

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Trình độ đào tạo: Đại học Ngành: Kế toán Mã số: 7340301

### ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

#### 1. Thông tin chung

|   |   |
|---|---|
| <b>1.1. Tên học phần: Chuẩn mực kế toán quốc tế</b> | <b>1.2. Tên tiếng Anh: International Accounting Standards</b> |
| <b>1.3. Mã học phần: KTCMKT.188</b>                 | <b>1.4. Số tín chỉ: 03</b>                                    |
| <b>1.5. Phân bố thời gian:</b>                      |   |
| - Lý thuyết:  | 29 tiết   |
| - Bài tập và Thảo luận nhóm:                        | 16 tiết   |
| - Tự học:   | 90 tiết   |
| <b>1.6. Các giảng viên phụ trách học phần:</b>      |   |
| - Giảng viên phụ trách chính:                       | ThS. Lê Khắc Hoài Thanh                                       |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:              | Các giảng viên theo sự phân công của bộ môn                   |
| <b>1.7. Điều kiện tham gia học phần:</b>            |   |
| - Học phần tiên quyết:                              | Nguyên lý kế toán, kế toán tài chính                          |
| - Học phần học trước:                               | Không có  |
| - Học phần song hành:                               | Không có  |

#### 2. Mục tiêu

##### 2.1. Mục tiêu chung

Trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về hệ thống chuẩn mực kế toán quốc tế, giúp sinh viên có thể đánh giá ảnh hưởng của việc áp dụng các nguyên tắc của các chuẩn mực kế toán cụ thể tới các kết quả tài chính và vị thế tài chính của một bộ phận hoặc toàn bộ doanh nghiệp. Sinh viên có khả năng so sánh giữa chuẩn mực kế toán Việt Nam và chuẩn mực kế toán Quốc tế, có thể đọc hiểu các tài liệu kế toán nước ngoài.

##### 2.2. Mục tiêu cụ thể

###### 2.2.1. Về kiến thức

- Nghiên cứu khái quát về kế toán quốc tế, Hội đồng chuẩn mực kế toán quốc tế và lịch sử hình thành, phát triển, cơ cấu tổ chức và quy trình ban hành chuẩn mực.

- Nghiên cứu một số chuẩn mực kế toán quốc tế cụ thể như IAS 2, IAS 16, IAS 38, IAS 36, IAS 17, IAS 12, IAS 37, IAS 7.

### 2.2.2. Về kỹ năng

Sinh viên có thể vận dụng các chuẩn mực được học để nhận biết tính phù hợp khi áp dụng một chuẩn mực vào một tình huống cụ thể. Đồng thời, sinh viên có khả năng đưa ra những ý kiến so sánh giữa hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam và hệ thống chuẩn mực kế toán quốc tế.

### 2.2.3. Về thái độ

- Tham dự giờ giảng đầy đủ, nghe giảng, tự học, tự nghiên cứu tài liệu bắt buộc và tham khảo để vận dụng kiến thức nhằm làm bài tập và thảo luận theo nhóm có hiệu quả.

- Có ý thức tự học để đạt được hiệu quả đọc hiểu cao.

## 3. Chuẩn đầu ra (CLO)

### Bảng 1. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng:

| Ký hiệu CLO | Nội dung CLO   |
|-------------|--|
| CLO1        | Nắm được phạm vi, đối tượng và nội dung của các chuẩn mực kế toán quốc tế.   |
| CLO2        | Áp dụng kiến thức về chuẩn mực kế toán để giải quyết các bài toán trong thực tế.   |
| CLO3        | Phát hiện, phân tích và giải quyết những vấn đề chuyên môn liên quan đến chuẩn mực kế toán quốc tế                                   |
| CLO4        | Phát triển năng lực sáng tạo, tự cập nhật kiến thức mới, tự nghiên cứu để áp dụng hiệu quả những kiến thức chuyên môn vào thực tiễn. |

## 4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO để đạt được PLO được xác định cụ thể qua bảng sau:

**Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO và PLO**

| PLO               | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
|-------------------|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|------|------|------|
| CLO 1             | A   | M   | M   |     |     |     |     |     |     |      |      |      |
| CLO 2             | A   | M   | M   |     |     |     |     |     |     |      |      |      |
| CLO 3             |     |     |     |     | M   | M   | M   |     |     |      |      |      |
| CLO 4             |     |     |     |     | M   | M   | M   |     |     |      |      |      |
| Tổng hợp học phần | A   | M   | M   |     | M   | M   | M   |     |     |      |      |      |

## 5. Đánh giá

*a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá*

**Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV**

| Thành phần đánh giá              | Trọng số | Bài đánh giá            | Trọng số con | Rubric (đánh dấu X nếu có) | Lquan đến CDR nào ở bảng 1 | Hướng dẫn phương pháp đánh giá                       |
|----------------------------------|----------|-------------------------|--------------|----------------------------|----------------------------|--|
| (1)                              | (2)      | (3)                     | (4)          | (5)                        | (6)                        | (7)  |
| A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ)   | 10%      |                         |              | x                          | CLO4                       | Đánh giá theo Rubric 1                               |
| A2. Kiểm tra thường xuyên (KTTX) | 30%      | A2.1. Tuần 5: Bài 1 - 3 | 30%          | x                          | CLO1, CLO2, CLO3, CLO4     | Đánh giá theo Rubric 3                               |
|                                  |          | A2.2. Tuần 10: Bài 4-6  | 30%          | x                          | CLO1, CLO2, CLO3, CLO4     |  |
|                                  |          | A2.3. Tuần 15: Bài 7 -9 | 40%          | x                          | CLO1, CLO2, CLO3, CLO4     |  |
| A3. Đánh giá cuối kỳ             | 60%      | Bài thi cuối kỳ: Viết   |              |                            | CLO1, CLO2, CLO3, CLO4     | Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn |

*Ghi chú: Tùy theo yêu cầu, đặc điểm của từng học phần, bộ môn có thể điều chỉnh thành phần và trọng số, trọng số con của các thành phần đánh giá. Tuy nhiên, phải đảm bảo đánh giá cuối kỳ không dưới 50%.*

**b. Yêu cầu đối với học phần:** Sinh viên phải tham dự  $\geq 80\%$  số buổi của HP. Nếu nghỉ  $> 20\%$  số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.

## 6. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

**Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần**

| Tuần/<br>Buổi<br>(3<br>tiết/b) | Các nội dung cơ bản của bài học<br>(chương) (đến 2 số)   | Số<br>tiết<br>(LT/<br>TH/<br>TT) | CĐR của bài học<br>(chương)/ chủ đề   | Lquan<br>đến<br>CĐR<br>nào ở<br>bảng<br>1 | PP giảng dạy, tài<br>liệu và cơ sở vật<br>chất, thiết bị cần<br>thiết để đạt CĐR                  | Hoạt động học của SV(*)  | Tên<br>bài<br>đánh<br>giá<br>(ở cột<br>3<br>bảng<br>3) |
|--------------------------------|--|----------------------------------|---|---|---|--|--|
| (1)                            | (2)  | (3)                              | (4)   | (5)                                       | (6)   | (7)  | (8)  |
| 1                              | Bài 1: Những chuẩn mực chung của chuẩn mực kế toán quốc tế<br>1.1. Sự cần thiết của chuẩn mực kế toán quốc tế<br>1.2 Lịch sử hình thành và phát triển của Hội đồng Chuẩn mực Kế toán Quốc tế<br>1.3 Cơ chế tổ chức và hoạt động của IASB | 3LT                              | 1.1. Nắm được sự cần thiết của chuẩn mực kế toán quốc tế<br>1.2. Nắm được lịch sử hình thành và phát triển của IASB và cơ chế hoạt động của tổ chức | CLO1<br>CLO2<br>CLO3<br>CLO4              | GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở | - Phân chuẩn bị ở nhà:<br>Đọc trước nội dung (Bài 1) (tài liệu [1]) và đọc thêm tài liệu [2], [3], [4]<br>- Phân chuẩn bị trên lớp:<br>trả lời câu hỏi |  |
| 2                              | Bài 1: Tiếp theo<br>1.4 Quy trình ban hành chuẩn mực<br>Bài 2: IAS 2 Hàng tồn kho  | 3 LT                             | 2.1. Nắm được mục tiêu, phạm vi và nội dung của IAS 2   | CLO1<br>CLO2<br>CLO3<br>CLO4              | GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để thuyết giảng, giải                              | - Phân chuẩn bị ở nhà:<br>Đọc trước nội dung (Bài 1, 2) (tài liệu [1]) và đọc thêm tài liệu [2], [3], [4]  |  |

|   |  |              |   |                              |   |  |      |
|---|--|--------------|---|------------------------------|---|--|------|
|   | 2.1 Giới thiệu<br>2.2 Mục tiêu<br>2.3 Phạm vi  |              |   |                              | thích cụ thể, câu hỏi gợi mở  | - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập   |      |
| 3 | Bài 2: Tiếp theo<br>2.4 Tóm tắt nội dung chuẩn mực Bài tập   | 2 LT<br>1BT  | 2.2. Áp dụng làm các bài tập theo chuẩn mực về hàng tồn kho   | CLO1<br>CLO2<br>CLO3<br>CLO4 | GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Bài 2) (tài liệu [1]) và đọc thêm tài liệu [2], [3], [4]<br>- Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập    |      |
| 4 | Bài 2: tiếp theo<br>Bài tập<br>Bài 3: IAS 16: Bất động sản, nhà xưởng và máy móc thiết bị<br>3.1 Giới thiệu<br>3.2 Mục tiêu<br>3.3 Phạm vi | 1 BT<br>2 LT | 2.2. Áp dụng làm các bài tập theo chuẩn mực này.<br>3.1. Hiểu được mục tiêu, phạm vi và nội dung của IAS 16 | CLO1<br>CLO2<br>CLO3<br>CLO4 | GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Bài 2, 3) (tài liệu [1]) và đọc thêm tài liệu [2], [3], [4]<br>- Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập |      |
| 5 | Bài 3: Tiếp theo<br>3.4 Tóm tắt nội dung chuẩn mực   | 1 LT<br>2BT  | 3.1. Hiểu được mục tiêu, phạm vi và nội dung của IAS 16   | CLO1<br>CLO2<br>CLO3<br>CLO4 | GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để thuyết giảng, giải                              | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Bài 3) (tài liệu [1]) và đọc thêm tài liệu [2], [3], [4]  | A2.1 |

|   |  |             |  |                              |   |  |  |
|---|--|-------------|--|------------------------------|---|--|--|
|   |  |             | 3.2. Áp dụng làm các bài tập theo chuẩn mực này.   |                              | thích cụ thể, câu hỏi gợi mở  | - Phân chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập   |  |
| 6 | Bài 4: IAS 38 Tài sản vô hình<br>4.1 Giới thiệu<br>4.2 Mục tiêu<br>4.3 Phạm vi<br>4.4 Tóm tắt nội dung chuẩn mực       | 3 LT        | 4.1. Nắm được mục tiêu, phạm vi và nội dung của IAS 38   | CLO1<br>CLO2<br>CLO3<br>CLO4 | GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở | - Phân chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Bài 4) (tài liệu [1]) và đọc thêm tài liệu [2], [3], [4]<br>- Phân chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập    |  |
| 7 | Bài 4: Tiếp theo<br>4.4. Tiếp theo<br>Bài 5: IAS 36 Tổng thất tài sản<br>5.1 Giới thiệu<br>5.2 Mục tiêu<br>5.3 Phạm vi | 2 BT<br>1LT | 4.2. Áp dụng làm các bài tập theo chuẩn mực này.<br>5.1 Nắm được mục tiêu, phạm vi của IAS 36        | CLO1<br>CLO2<br>CLO3<br>CLO4 | GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở | - Phân chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Bài 4, 5) (tài liệu [1]) và đọc thêm tài liệu [2], [3], [4]<br>- Phân chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập |  |
| 8 | Bài 5: Tiếp theo<br>5.4 Tóm tắt nội dung chuẩn mực<br>Bài tập  | 2 LT<br>1BT | 5.2. Nắm được những nội dung cơ bản của IAS 36<br>5.3. Áp dụng làm các bài tập theo chuẩn mực IAS 36 | CLO1<br>CLO2<br>CLO3<br>CLO4 | GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở | - Phân chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Bài 5) (tài liệu [1]) và đọc thêm tài liệu [2], [3], [4]  |  |

|    |  |              |  |                              |   |   |      |
|----|--|--------------|--|------------------------------|---|---|------|
|    |  |              |  |                              |   | - Phần chuẩn bị trên lớp:<br>trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập   |      |
| 9  | Bài 5: Bài tập<br>Bài 6: IAS 17: Thuê tài sản<br>6.1 Giới thiệu<br>6.2 Mục tiêu<br>6.3 Phạm vi<br>6.4 Tóm tắt nội dung chuẩn mực | 1 BT<br>2LT  | 5.3. Áp dụng làm các bài tập theo chuẩn mực IAS 36<br>6.1. Nắm được mục tiêu, phạm vi và nội dung của IAS 17 | CLO1<br>CLO2<br>CLO3<br>CLO4 | GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở | - Phần chuẩn bị ở nhà:<br>Đọc trước nội dung (Bài 6) (tài liệu [1]) và đọc thêm tài liệu [2], [3], [4]<br>- Phần chuẩn bị trên lớp:<br>trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập |      |
| 10 | Bài 6: Tiếp theo<br>6.4: Tiếp theo<br>Bài tập  | 1 LT<br>2 BT | 6.2. Áp dụng làm các bài tập theo chuẩn mực IAS 17   | CLO1<br>CLO2<br>CLO3<br>CLO4 | GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở | - Phần chuẩn bị ở nhà:<br>Đọc trước nội dung (BÀI 6) (tài liệu [1]) và đọc thêm tài liệu [2], [3], [4]<br>- Phần chuẩn bị trên lớp:<br>trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập | A2.2 |
| 11 | Bài 7: IAS 12 Thuế thu nhập doanh nghiệp<br>7.1 Giới thiệu<br>7.2 Mục tiêu<br>7.3 Phạm vi<br>7.4 Tóm tắt nội dung chuẩn mực      | 3 LT         | 7.1. Nắm được mục tiêu, phạm vi và nội dung của IAS 12   | CLO1<br>CLO2<br>CLO3<br>CLO4 | GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở | - Phần chuẩn bị ở nhà:<br>Đọc trước nội dung (Bài 7) (tài liệu [1]) và đọc thêm tài liệu [2], [3], [4]<br>- Phần chuẩn bị trên lớp:<br>trả lời câu hỏi                              |      |



|    |  |              |   |                              |   |   |       |
|----|--|--------------|---|------------------------------|---|---|-------|
| 12 | Bài 7: Tiếp theo<br>Bài tập<br>Bài 8: IAS 37 Các khoản dự phòng, nợ phải trả và tài sản tiềm tàng<br>8.1 Giới thiệu<br>8.2 Mục tiêu<br>8.3 Phạm vi | 2 BT<br>1LT  | 7.2. Áp dụng làm các bài tập theo chuẩn mực IAS 12<br>8.1 Nắm được mục tiêu, phạm vi của IAS 37 | CLO1<br>CLO2<br>CLO3<br>CLO4 | GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở | - Phân chuẩn bị ở nhà:<br>Đọc trước nội dung (Bài 8) (tài liệu [1]) và đọc thêm tài liệu [2], [3], [4]<br>- Phân chuẩn bị trên lớp:<br>trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập |       |
| 13 | Bài 8: Tiếp theo<br>8.4 Tóm tắt nội dung chuẩn mực<br>Bài tập  | 2 LT<br>1 BT | 8.2 Nắm được nội dung của IAS 37<br>8.3 Áp dụng làm các bài tập theo chuẩn mực IAS 37           | CLO1<br>CLO2<br>CLO3<br>CLO4 | GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở | - Phân chuẩn bị ở nhà:<br>Đọc trước nội dung (Bài 8) (tài liệu [1]) và đọc thêm tài liệu [2], [3], [4]<br>- Phân chuẩn bị trên lớp:<br>trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập | A1.2. |
| 14 | Bài 8: Tiếp theo<br>Bài tập<br>Bài 9: IAS 7 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ<br>9.1 Giới thiệu<br>9.2 Mục tiêu<br>9.3 Phạm vi                            | 1 BT<br>2LT  | 8.3 Áp dụng làm các bài tập theo chuẩn mực IAS 37<br>9.1 Nắm được mục tiêu, phạm vi của IAS 7   | CLO1<br>CLO2<br>CLO3<br>CLO4 | GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở | - Phân chuẩn bị ở nhà:<br>Đọc trước nội dung (Bài 9) (tài liệu [1]) và đọc thêm tài liệu [2], [3], [4]<br>- Phân chuẩn bị trên lớp:<br>trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập |       |
| 15 | Bài 9: Tiếp theo<br>9.4 Tóm tắt nội dung chuẩn mực   | 1 LT<br>2BT  | 9.2 Nắm được nội dung của IAS 7   | CLO1<br>CLO2<br>CLO3         | GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để   | - Phân chuẩn bị ở nhà:  | A2.3  |

|               |                  |  |  |      |   |  |    |
|---------------|------------------|--|--|------|---|--|----|
|               | Bài tập          |  | 9.3 Áp dụng làm các bài tập theo chuẩn mực IAS 7 | CLO4 | thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở | Đọc trước nội dung (Bài 9) (tài liệu [1]) và đọc thêm tài liệu [2], [3], [4]<br>- Phân chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập |    |
| Theo lịch thi | Kiểm tra cuối kì |  |  |      |   |  | A3 |

**(\*) Ghi chú:**

- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương
- (6) PP giảng dạy đạt CDR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CDR
- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án .....); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số....).

## 7. Học liệu

**Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

| TT                                | Tên tác giả   | Năm XB | Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản | NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB           |
|-----------------------------------|---|--------|--|---|
| <b>Giáo trình chính</b>           |   |        |  |   |
| 1                                 | Lê Khắc Hoài Thanh  | 2021   | Bài giảng Chuẩn mực kế toán quốc tế        | Lưu hành nội bộ, Trường Đại học Quảng Bình. |
| <b>Sách, giáo trình tham khảo</b> |   |        |  |   |
| 2                                 | Bộ môn Kiểm toán, Khoa Kế toán – Kiểm toán, Trường Đại học Kinh tế TP.HCM | 2011   | Áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế          | NXB Phương Đông.                            |
| 3                                 | Nguyễn Thị Minh Tâm   | 2004   | Giáo trình kế toán quốc tế                 | NXB ĐHQG Hà Nội                             |
| 4                                 | Ngô Thế Chi, Trương Thị Thuỷ  | 2010   | Giáo trình chuẩn mực kế toán quốc tế       | NXB Tài chính.                              |

## 8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

**Bảng 6. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

| TT | Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH | Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN, TH |          | Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương |
|----|---------------------------------------|--|----------|-------------------------------------|
|    |                                       | Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...                    | Số lượng |                                     |
| 1  | Giảng đường A/C                       | Projector, máy tính cá nhân                            | 1        | Tất cả bài học                      |

## 9. Rubric đánh giá

### Đánh giá chuyên cần (Attendance Check): Rubric 1

#### Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendance)

| Tiêu chí đánh giá | Mức độ đạt chuẩn quy định           |  |  |  |   | Trọng số |
|-------------------|-------------------------------------|--|--|--|---|----------|
|                   | MỨC F<br>(0-3.9)                    | MỨC D<br>(4.0-5.4)   | MỨC C<br>(5.5-6.9)   | MỨC B<br>(7.0-8.4)   | MỨC A<br>(8.5-10)   |          |
| Chuyên cần        | Không đi học (<30%).                | Đi học không chuyên cần (<50%).  | Đi học khá chuyên cần (<70%).  | Đi học chuyên cần (<90%).  | Đi học đầy đủ, rất chuyên cần (>=90 %).   | 50%      |
| Đóng góp tại lớp  | Không tham gia hoạt động gì tại lớp | Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp.<br>Đóng góp không hiệu quả. | Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp.<br>Phát biểu ít khi có hiệu quả. | Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả. | Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả. | 50%      |

**Đánh giá bài tập (Work Assignment): Rubric 3****Rubric 3: Bài tập (Work Assignment)**

| Tiêu chí đánh giá | Mức độ đạt chuẩn quy định   |   |  |  |  | Trọng số   |
|-------------------|---|---|--|--|--|------------|
|                   | MỨC F<br>(0-3.9)  | MỨC D<br>(4.0-5.4)  | MỨC C<br>(5.5-6.9)   | MỨC B<br>(7.0-8.4)   | MỨC A<br>(8.5-10)  |            |
| Nộp bài tập       | Không nộp bài tập hoặc hoàn thành <30% khối lượng công việc được giao | Nộp bài tập hoàn thành <50% khối lượng công việc được giao. Chưa đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập hoàn thành <70% khối lượng công việc được giao. Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập hoàn thành <90% khối lượng công việc được giao. Hầu hết bài tập nộp đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập đầy đủ >=90% số lượng được giao). Đúng thời gian quy định.   | <b>20%</b> |
| Trình bày bài tập | Kém   | Còn rất nhiều lỗi   | Còn nhiều lỗi  | Tương đối tốt  | Rất tốt  | <b>30%</b> |
| Nội dung bài tập  | Không có bài tập  | Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.                   | Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn một số sai sót.                    | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Nội dung đúng, rõ ràng.                     | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Tính toán logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý. | <b>50%</b> |

**Đánh giá kiểm tra viết (Written Exam):** Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn.

*Quảng Bình, ngày....tháng....năm 2021*

**Trưởng khoa**

**Trưởng bộ môn**

**Người biên soạn**

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

Tên học phần: CHUẨN MỰC KẾ TOÁN QUỐC TẾ (INTERNATIONAL ACCOUNTING STANDARDS)

Mã học phần: KTCMKT.188

Số tín chỉ: 03

Trình độ đào tạo: Đại học

Đối tượng đào tạo: Sinh viên Đại học ngành Kế toán

Hệ chính quy

**1. Thông tin hoạt động nghiệm thu:**

Thời gian nghiệm thu:                      phút, ngày            tháng            năm 2021

Địa điểm nghiệm thu: Văn phòng Khoa Kinh tế - Du lịch

Thành phần và nhiệm vụ của thành viên Hội đồng nghiệm thu:

- |                              |                   |
|------------------------------|-------------------|
| 1. ThS. Phan Thị Thu Hà      | Chủ tịch hội đồng |
| 2. TS. Trần Thị Thu Thủy     | Phản biện 1       |
| 3. ThS. Nguyễn Thị Kim Phụng | Phản biện 2       |
| 4. TS. Bùi Khắc Hoài Phương  | Ủy viên           |
| 5. ThS. Lê Khắc Hoài Thanh   | Thư ký            |

**2. Ý kiến của Hội đồng nghiệm thu:**

- Phản biện 1: TS. Trần Thị Thu Thủy đọc nhận xét (có văn bản kèm theo)
- Phản biện 2: ThS. Nguyễn Thị Kim Phụng đọc nhận xét (có văn bản kèm theo)
- Ý kiến thảo luận, bổ sung của thành viên Hội đồng: Học phần Kế toán thuế cần có những chỉnh sửa về tính cân đối về thời gian phân bố đối với các nội dung kiến thức.

**3. Kết luận của Hội đồng:**

**Về hình thức:**

- Chương trình đã được soạn theo đúng mẫu quy định, trình bày rõ ràng dễ hiểu. Câu chữ chính xác, không có lỗi chính tả.
- Phân bố thời gian hợp lý với dung lượng kiến thức, cân đối giữa lý thuyết, bài tập, thảo luận.
- Tuy nhiên còn một số lỗi định dạng cần chỉnh sửa (bảng 3,4)

**Về nội dung:**

- Mục tiêu học phần đã bám sát chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo ngành Đại học Kế toán.

- Nội dung chương trình đảm bảo tính khoa học, chính xác, cơ bản, chú ý rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức, kỹ năng thực hành, liên hệ thực tế cho sinh viên. Có khả năng đo lường, và thực hiện các hoạt động thu thập minh chứng cho việc đạt được mục tiêu học phần.

- Chương trình chi tiết đã mô tả kiến thức cơ bản, kỹ năng, giáo dục thái độ đáp ứng được yêu cầu đào tạo.

- Các tiêu chuẩn để đánh giá sinh viên đã thể hiện được mục tiêu trong từng tín chỉ và trong toàn bộ học phần, có khả năng phân loại được trình độ của sinh viên.

- Tuy nhiên cần xem xét thời lượng phân bố giữa các chương cho cân đối, thời lượng bài tập với môn này nên tăng lên ở từng chương.

**Kết luận:** Chương trình cần chỉnh sửa trước khi được nghiệm thu.

*Quảng Bình, ngày      tháng      năm 2021*

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

THƯ KÝ

**ThS. Phan Thị Thu Hà**

**Lê Khắc Hoài Thanh**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

1. TS. Bùi Khắc Hoài Phương

2. TS. Trần Thị Thu Thủy

3. Nguyễn Thị Kim Phụng

**BẢN NHẬN XÉT ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

Tên học phần: CHUẨN MỰC KẾ TOÁN QUỐC TẾ (INTERNATIONAL ACCOUNTING STANDARDS)

Mã học phần: KTCMKT.188

Số tín chỉ: 03

Trình độ đào tạo: Đại học

Đối tượng đào tạo: Sinh viên Đại học ngành Kế toán

Hệ chính quy

**Nội dung nhận xét:**

**\* Về hình thức:**

Chương trình đã được soạn theo đúng mẫu quy định, trình bày rõ ràng dễ hiểu. Câu chữ chính xác, không có lỗi chính tả.

Tuy nhiên còn một số lỗi định dạng cần chỉnh sửa (trang 2, trang 6)

**\* Về nội dung:**

- Mục tiêu học phần đã bám sát chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo ngành Đại học Kế toán.
- Nội dung chương trình đảm tính khoa học, chính xác, phát huy năng lực của người học. Kiến thức cơ bản, kỹ năng mà học phần mô tả đáp ứng yêu cầu đào tạo
- Các tiêu chuẩn sử dụng để đánh giá sinh viên có thể hiện mức độ đạt được các mục tiêu trong từng học phần và phân loại được trình độ của sinh viên.
- Quy định các hình thức kiểm tra đã phù hợp
- Cần xem xét lại phân bố số tiết trong các chương 5, 6.

**Kết luận chung:** Chương trình nên được chỉnh sửa trước khi nghiệm thu.

Quảng Bình, ngày tháng năm 2021

NGƯỜI NHẬN XÉT

**Trần Thị Thu Thủy**





**BẢN NHẬN XÉT ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

Tên học phần: CHUẨN MỰC KẾ TOÁN QUỐC TẾ (INTERNATIONAL ACCOUNTING STANDARDS)

Mã học phần: KTCMKT.188

Số tín chỉ: 03

Trình độ đào tạo: Đại học

Đối tượng đào tạo: Sinh viên Đại học ngành Kế toán

Hệ chính quy

**Nội dung nhận xét:**

**\* Về hình thức:**

Chương trình có hình thức trình bày rõ ràng, dễ hiểu, đúng mẫu quy định. Phân bố thời gian hợp lý với dung lượng kiến thức, cân đối giữa lý thuyết, bài tập, thảo luận. Tuy nhiên còn một số lỗi định dạng cần chỉnh sửa (trang 1, 2, 3)

**\* Về nội dung:**

- Mục tiêu học phần bám sát chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo.
- Nội dung chương trình đảm tính khoa học, chính xác, phát huy năng lực của người học.
- Kiến thức cơ bản, kỹ năng mà học phần mô tả đáp ứng yêu cầu đào tạo, tuy nhiên diễn đạt trong phần kỹ năng cần điều chỉnh lại cho trôi chảy.
- Chương trình chi tiết đã mô tả kiến thức cơ bản, kỹ năng, giáo dục thái độ đáp ứng được yêu cầu đào tạo.
- Các tiêu chuẩn để đánh giá sinh viên đã thể hiện được mục tiêu trong từng tín chỉ và trong toàn bộ học phần, có khả năng phân loại được trình độ của sinh viên.
- Tuy nhiên cần xem xét lại thời lượng phân bổ cho các chương sao cho phù hợp hơn. Một số mục trong phần 12 cần điều chỉnh lại cho phù hợp theo như quy định thống nhất giữa CĐR và hình thức đánh giá

**Kết luận chung:** Chương trình nên được chỉnh sửa trước khi nghiệm thu.

*Quảng Bình, ngày tháng năm 2021*

NGƯỜI NHẬN XÉT

**Nguyễn Thị Kim Phụng**